

CUỘC CÁCH MẠNG QUẢN TRỊ TRONG NỀN KINH TẾ TRI THỨC

PGS.TS. VŨ CÔNG TUẤN

Chi trong vòng 300 năm trở lại đây, lực lượng sản xuất đã phát triển vượt bậc với những thành tựu khoa học và công nghệ nổi trội, có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống kinh tế - xã hội của loài người.

Từ ba thế kỷ qua, nhân loại đã ghi nhận 3 cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất, mà nền tảng của sự phát triển đó là "tri thức"; được sản sinh từ "bộ não người", tạo ra ý thức, sự tư duy và sáng tạo thuộc các nền văn minh trên trái đất.

Ngược dòng thời gian, chúng ta nhận dạng các cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất - yếu tố quyết định, cùng với quan hệ sản xuất tạo ra sự biến đổi của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử loài người dưới đây:

1. Cách mạng công nghiệp (cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất lần thứ 1: 1700 - 1880)

Biểu tượng đánh dấu sự ra đời của cuộc cách mạng công nghiệp là việc chế tạo chiếc máy hơi nước.

Nội dung cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp là "cơ khí hóa", sử dụng máy móc để giảm nhẹ và tăng hiệu quả lao động cơ bắp của con người. Thực tế, tiến trình của cuộc cách mạng công nghiệp đã trải qua nhiều thế kỷ.

Từ thế kỷ 15, ở giai đoạn cuối thời phong kiến tại Tây Âu, các công trường thủ công đã xuất hiện; lao động cơ bắp gian đơn đã được thay thế dần bằng phương pháp sản xuất mới, công cụ lao động mới phát triển thành máy móc thiết bị, cho khả năng làm ra sản phẩm mới với khối lượng nhiều hơn, chất lượng tốt hơn và giá thành rẻ hơn. Nền sản xuất xã hội bằng phương pháp công nghiệp ra đời.

Sự phát triển của công nghiệp dệt tại Anh, đầu thế kỷ 18, là một ví dụ về sự tăng trưởng kinh tế nhờ cách mạng công nghiệp.

Ta thấy rằng, trong vòng 200 năm (từ 1500 đến 1700), Ấn Độ và Trung Quốc đã từng là cường quốc về dệt tơ, và đã để lại "con đường tơ lụa Á - Âu" trong lịch sử trung đại. Ngành dệt thủ công và việc thương mại hóa sản phẩm dệt đã từng mang lại nhiều lợi nhuận và sự tăng trưởng kinh tế cho các nước này trong nhiều thế kỷ.

Tuy nhiên, trong ngành dệt của hai nước trên đã không diễn ra "cách mạng công nghiệp", chỉ dựa trên

phương pháp sản xuất thủ công, lấy kinh nghiệm gia đình và công cụ là các khung dệt thô sơ là cơ sở; chỉ quan tâm đến việc mở rộng quy mô sản xuất, mà không chăm lo việc đổi mới công nghệ, thay đổi công cụ lao động.

Trong khi đó, tại Anh, trong ngành dệt, cách mạng công nghiệp đã diễn ra với việc đổi mới phương pháp sản xuất, trang bị máy móc công nghiệp, cho khả năng làm ra hàng dệt nhiều hơn, tốt hơn, rẻ hơn, và đã vượt rất xa các cường quốc dệt truyền thống như Ấn Độ và Trung Quốc từ thế kỷ 18; làm "vang bóng" ngành dệt Anh Quốc một thời trên thương trường quốc tế; đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng kinh tế của nước Anh thời kỳ tiền công nghiệp.

Nền sản xuất dựa vào máy móc thiết bị mang lại hiệu quả cao, lợi nhuận lớn là cơ sở hình thành các xưởng máy một cách ồ ạt ở Tây Âu thời kỳ đó. Lực lượng sản xuất phát triển, đòi hỏi sự thay đổi phù hợp của quan hệ sản xuất. Chính trong thời kỳ cách mạng công nghiệp, cách mạng tư sản đã nổ ra ở nhiều nước: Hà Lan, Anh, Pháp...

Cuộc cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa đã diễn ra tại nhiều nước Tây Âu từ đầu thế kỷ 18 đến nửa đầu thế kỷ 19 đã dẫn đến sự tăng trưởng kinh tế chưa từng có trước đây; nhưng lại tạo ra nhịp độ biến đổi xã hội sâu sắc, tạo ra các căng thẳng và xung đột trong trật tự giai cấp mới dưới xã hội tư bản.

Dù cho máy móc đã cải thiện phần nào điều kiện làm việc; song đại bộ phận công nhân, những người làm thuê trong các xưởng máy đã bị bóc lột quá mức, gây ra những thất vọng sâu sắc về chủ nghĩa tư bản.

Chính trong thời kỳ cách mạng công nghiệp, Karl Marx đã chỉ ra mâu thuẫn không thể giải quyết nổi giữa một bên là lực lượng sản xuất được xã hội hóa ngày càng cao và một bên là quan hệ sản xuất chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất trong xã hội tư bản.

Nếu giai cấp vô sản tiếp tục bị bóc lột cùng hóa và nghèo thêm; nếu giai cấp tư bản tiếp tục chà đạp và giàu lên; thì xung đột giai cấp là điều tất yếu trong chế độ tư bản.

Nhìn nhận ý nghĩa và ảnh hưởng xã hội của cuộc cách mạng công nghiệp,

giai cấp tư bản đã đi tìm một sự "cứu cánh", một con đường điều chỉnh - cuộc cách mạng năng suất hay tổ chức lao động ra đời.

2. Cách mạng năng suất hay tổ chức lao động (cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất lần thứ 2: 1881 - 1954)

Biểu tượng đánh dấu sự ra đời của cuộc cách mạng năng suất hay tổ chức lao động là việc áp dụng phương pháp tổ chức lao động dây chuyền.

Nội dung cơ bản của cuộc cách mạng năng suất là "tự động hóa", sử dụng máy móc thiết bị tự động kết hợp với đổi mới tổ chức sản xuất, để giảm nhẹ và tăng hiệu quả lao động cơ bắp và một phần lao động trí não của con người.

Phương pháp tổ chức lao động dây chuyền được áp dụng lần đầu tiên trong ngành ô tô Mỹ vào năm 1881, do F.Taylor (1856 - 1915) đề xướng. Phương pháp tổ chức lao động dây chuyền được mang tên ông - phương pháp Taylor cho đến ngày nay.

Phương pháp Taylor là thành quả đầu tiên khi áp dụng "tri thức" vào công việc tối đa hóa hiệu quả công tác "tổ chức lao động".

Trên cơ sở nào mà Taylor đề xuất ra phương pháp tổ chức lao động theo dây chuyền (còn gọi là phương pháp sản xuất dây chuyền)?

Taylor cho rằng, việc làm và thu nhập của người lao động chỉ có thể tăng khi trong một đơn vị thời gian không thay đổi, làm ra nhiều sản phẩm hơn; điều đó chỉ có được bằng việc nâng cao năng suất lao động; được đo lường bằng số lượng sản phẩm làm ra.

Song vấn đề đặt ra là, khi năng cao năng suất lao động, thì sản phẩm làm ra nhiều hơn hoặc giá trị tạo ra cao hơn thực sự mang lại ích cho ai, giai cấp nào trong xã hội?

Việc vận dụng tri thức vào tổ chức lao động đã làm cho năng suất lao động có bước nhảy vọt. Sau 80 năm, kể từ khi F. Taylor đề xướng phương pháp sản xuất dây chuyền, qua nghiên cứu, ta thấy tại các nước công nghiệp phát triển, năng suất lao động đã tăng lên 50 lần. Lợi ích của việc tăng năng suất lao động đã làm cho một bộ phận giai cấp bị bóc lột cùng hóa trước đó trở thành tầng lớp trung lưu trong xã hội.

Bên cạnh ý nghĩa xã hội của cuộc

cách mạng về tổ chức lao động, việc áp dụng phương pháp Taylor đã mang lại tác dụng thiết thực trong đào tạo nguồn nhân lực.

Hơn một trăm năm trước F. Taylor, Adam Smith (1723 - 1790) đã từng tổng kết trong thời của ông rằng, muốn có được kinh nghiệm để làm ra sản phẩm có chất lượng cao, con người thời kỳ trước Adam Smith phải mất tới thiếu một thời gian tích lũy, tổng kết tri thức từ 50 năm, thậm chí tới hàng trăm năm.

70 năm sau khi Adam Smith qua đời, vào năm 1840, một người Đức là August Borsig đã đề xuất hệ thống đào tạo "kép" ở Đức, kết hợp song hành đào tạo kiến thức cơ bản ở trường, lớp song song với đào tạo kinh nghiệm thực tế ở nhà máy.

Hệ thống đào tạo "kép" này, cho đến nay, đã hơn 160 năm, vẫn giữ nguyên giá trị và là nền tảng của hệ thống giáo dục và đào tạo ở Đức.

Tuy nhiên, thời gian cần thiết để truyền thụ lý thuyết, chuyên môn và kinh nghiệm thực tế nghề nghiệp theo hệ thống này cũng đòi hỏi từ 3 đến 5 năm.

Hơn 70 năm sau August Borsig, trước nhu cầu đòi hỏi về nhân lực cho chiến tranh thế giới và đặc biệt trong Thế chiến thứ 2, Mỹ đã vận dụng phương pháp Taylor để đào tạo nhanh "những công nhân có tay nghề vững vàng" chỉ trong thời gian ngắn ngủi, khoảng vài tháng. Mô hình đào tạo, truyền bá nhanh tri thức ở Mỹ - nhanh gấp 10 lần mô hình đào tạo nghề ở Đức và Nhật - đã giúp Mỹ đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, vượt xa Đức và Nhật, ở thời kỳ sau Thế chiến thứ 2.

Tồn tại của phương pháp Taylor là phạm vi áp dụng của phương pháp này chủ yếu trong lĩnh vực dùng nhiều lao động cơ bắp, và còn nhiều mặt trái về những đòi hỏi thái quá về cường độ lao động.

Với sự phát triển của cuộc cách mạng năng suất hay tổ chức lao động, số người lao động cơ bắp (công nhân áo xanh) đã ngày càng giảm đi; bởi vì lúc này, với máy móc thích hợp và tổ chức lao động tốt, số lượng công nhân áo xanh không cần nhiều nữa mà ngược lại, số lượng "công nhân áo trắng" ngày càng tăng lên.

Vấn đề đặt ra là, tri thức có vai trò, ý nghĩa như thế nào đối với lao động không phải là cơ bắp, mà là lao động trí não. Sự kết hợp giữa lao động trí não và lao động cơ bắp là nhân tố tạo ra mọi giá trị sáng tạo của con người.

3. Cách mạng quản trị (cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất lần thứ 3: 1946 đến nay)

Cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất dựa trên nền tảng của tri thức

lần thứ 3, được gọi là "cuộc cách mạng quản trị".

Biểu tượng đánh dấu sự ra đời của cuộc cách mạng quản trị là việc xuất hiện chiếc máy tính điện tử đầu tiên trên thế giới (1946). (*)

Bên cạnh đó là sự ra đời của nhiều lĩnh vực, ngành nghề và sản phẩm có ý nghĩa tri thức phục vụ cho tri thức như:

- Các lĩnh vực khoa học mới: nguyên tử học, điện tử học, khoa học vũ trụ...

- Các công cụ lao động mới: máy tính điện tử, người máy công nghiệp, máy móc tự động...

- Các năng lượng mới: nguyên tử, nhiệt hạch; năng lượng mặt trời, thủy năng, phong năng...

- Các vật liệu mới: vật liệu siêu bền, siêu nhẹ cho ngành hàng không, vũ trụ, vật liệu nhân tạo, chất dẻo, vật liệu composit...

- Các công nghệ mới: công nghệ sinh học, cuộc cách mạng xanh và cách mạng trắng trong nông nghiệp...

- Các thành tựu mới: cấu trúc ADN, gen di truyền, bản đồ gen người, thụ tinh trong ống nghiệm, sinh sản vô tính đối với động vật...

Cuộc cách mạng công nghiệp, trong đó tri thức được áp dụng trong sáng tạo các phương pháp sản xuất, công cụ lao động và sản phẩm mới kéo dài 180 năm; từ đầu thế kỷ 18 đến 2/3 thế kỷ 19.

Cuộc cách mạng năng suất hay tổ chức lao động, trong đó, tri thức được áp dụng trong sáng tạo, đề xuất các phương pháp tổ chức lao động, sản xuất mới, có hiệu quả cao, kéo dài từ 1881 đến 1945, khoảng 70 năm.

Chu kỳ của các cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất ngày càng ngắn lại. Cuộc cách mạng quản trị, ra đời từ 1946 đến những năm cuối của thế kỷ 20, trong vòng hơn 50 năm, nhưng đã sáng tạo ra những thành tựu khoa học công nghệ chưa từng có trong lịch sử loài người.

Trong giai đoạn cách mạng quản trị, vấn đề quản trị có tri thức là đòi hỏi chung đối với mọi loại hình tổ chức: hành chính, công quyền, kinh tế, kinh doanh, văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, an ninh quốc phòng... không phụ thuộc vào nhiệm vụ cụ thể của từng tổ chức; không hạn chế không gian, đi từ môi trường xã hội tới mọi nhà; mọi gia đình, mọi cá thể trong xã hội.

Trong những năm đầu của cuộc cách mạng quản trị (những năm 50 của thế kỷ 20) quản trị gia đã được định nghĩa là "người chịu trách nhiệm về công việc của cấp dưới."

Đến những năm 60, khái niệm trên được phát triển thành "quản trị gia là người chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của mọi người".

Đến hiện nay, định nghĩa đầy đủ

và thực tế về quản trị gia như sau: "quản trị gia là người chịu trách nhiệm vận dụng tri thức nhằm mục tiêu hiệu quả".

Sự vận động của các khái niệm về quản trị gia trong cuộc cách mạng quản trị có nghĩa là, trong thời đại ngày nay, "tri thức" được coi là "nguồn lực cơ bản" của mọi sự phát triển. Quản trị đã trở thành một phạm trù khoa học, là đòi hỏi khách quan, tất yếu của việc vận dụng tri thức phục vụ tri thức.

4. Một số vấn đề đặt ra

Các lý thuyết kinh tế truyền thống ra đời trong xã hội công nghiệp mới xem xét: đất đai, vốn, tài nguyên thiên nhiên và lao động giản đơn là những yếu tố không thể thiếu được cho sự phát triển.

Nếu nền kinh tế nông nghiệp - buổi bình minh của nền văn minh loài người dựa vào nền tảng là tài nguyên lao động giản đơn; nếu nền kinh tế công nghiệp dựa vào tài nguyên thiên nhiên; thì các dạng tài nguyên trên là có hạn và luôn dẫn đến tình trạng bị "khan hiếm".

Nền "kinh tế tri thức" mới xuất hiện từ sau Thế chiến thứ 2 trở lại đây, dựa trên nền tảng "tài nguyên tri thức" - loại tài nguyên không hề cạn kiệt và dường như vô hạn của con người.

Do đó, nền kinh tế tri thức đòi hỏi việc ra đời và xây dựng các lý thuyết kinh tế phù hợp, mà các học thuyết kinh tế truyền thống chưa thể lý giải được.

Bản chất kinh tế học của tri thức như thế nào là vấn đề nóng bỏng, đòi hỏi sự nghiên cứu, khám phá và lý giải đối với các nhà kinh tế học tương lai.

VN đang trong quá trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, trong bối cảnh ban đầu của nền kinh tế tri thức có tính toàn cầu hóa. Nước ta có những lợi thế, bài học kinh nghiệm của người đi sau; nhưng cũng gặp nhiều thách thức bởi điểm xuất phát đi lên từ một nền kinh tế nông nghiệp là chủ yếu.

Quá trình thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa của VN cần gắn liền với các tiêu chí của nền kinh tế tri thức. Tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất, với đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và nhà nước; VN nhất định hoàn thành sứ mệnh lịch sử, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp hướng tới nền kinh tế tri thức, có lực lượng sản xuất phát triển và quan hệ sản xuất tiến tiến trong thế kỷ 21 ■

(*) J. Mauchly và J. Eckert cho ra mắt Eniac, loại máy tính điện tử thực tế vào năm 1946